

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ XUYỀN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 12 /2021/HNGĐ-ST.*

*Ngày: 14-01-2022.*

*V/v tranh chấp HN&GD.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Văn Phong.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lương Đức và ông Đỗ Quang Huy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Cán bộ Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1990. HKTT: Thôn N, xã N, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. (Có mặt ).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985. HKTT: Thôn N, xã N, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lâm Thị Hồng N trình bày:*

Chị với anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã N, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Luận ở thôn N, xã N, huyện Phú Xuyên. Ngay từ những ngày đầu chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa vợ chồng hiếm muộn, chạy chữa mãi không có con khiến tình cảm vợ chồng dần dần trở nên phai nhạt. Cũng do hiếm muộn, anh L tuyên bố chỉ khi có con chị mới được nhập khẩu vào gia đình anh L, đó là lý do mà từ khi cưới đến nay hộ khẩu của chị vẫn ở bên nhà ngoại. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù chung sống trong một nhà nhưng cả hai đã tự ly thân nhau, đến tháng 3 năm 2021 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ cho đến nay không quay về với anh L nữa. Trong thời gian chị bỏ về nhà mẹ đẻ, phía anh L cũng không nhắn tin gọi điện gọi chị về đoàn tụ, bản thân chị cũng xác định anh L có gọi chị cũng không về.

Nay xác định tình cảm không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, cũng không nợ nần ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Phía bị đơn Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Anh L xác nhận điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị N trình bày. Anh với chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã N, huyện Phú Xuyên. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, và đặc biệt là do vợ chồng hiếm muộn con cái. Mâu thuẫn trầm trọng đến tháng 3 năm 2021, chị N đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân anh cũng không làm gì để vợ chồng về đoàn tụ.

Nay chị N làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, chị N muốn làm gì anh không cũng quan tâm và đề nghị Tòa án giải quyết việc kiện theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Anh L cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Xác minh tại UBND xã N nơi vợ chồng chung sống, UBND xã xác định:* Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng nhiều năm không có con chung khiến hạnh phúc gia đình không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

*Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:*

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong suốt quá trình tố tụng...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác phía bị đơn anh L cũng có quan điểm không gọi chị N về đoàn tụ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Lâm Thị Hồng N và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Lâm Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L; con chung: không có; tài sản chung: không có, không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung: không có, không đề nghị nên không xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:*

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã N, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị Hồng N và anh Nguyễn Ngọc L là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp, cộng với việc không có con cái khiến mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, đến tháng 3 năm 2021 chị N đã đi khỏi nhà anh L, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng do vợ chồng không có con chung và đã sống ly thân nhau một thời gian, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình không đạt được, hôn nhân tồn tại không còn ý nghĩa.... Vì vậy, yêu cầu của chị N xin ly hôn anh L là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị N ly hôn anh L để giải phóng cho cả hai bên.

*Về con chung:* Không có nên không xét.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Các bên đều không đề nghị nên không xét.

[3] *Về án phí:* Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Lâm Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.
2. Về con chung: Không có nên không xét.
3. Về tài sản chung: Các bên không đề nghị nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0047687 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

( Đã ký )

**Phùng Văn Phong**